

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ,  
THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 3 ngày 30 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT. Tên viết tắt : CONINCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Công	Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên
Ông Phan Ngọc Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Công	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/9/2013)
Ông Nguyễn Huy Anh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/9/2013)

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Công**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Số: 208/2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ,  
Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2013 của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên doanh Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật nên chúng tôi chưa xác định được ảnh hưởng của các khoản đầu tư này đến Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Lưu ý người đọc Báo cáo tài chính*

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến điểm 6.8 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty hiện đang ghi nhận tài sản cố định vô hình có nguyên giá ban đầu 1.150.000.000 đồng là giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO. Việc ghi nhận này có sự khác biệt so với các quy định về kế toán hiện hành.



**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779 -2013-075-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2014*

**Vũ Thị Hồng Quỳnh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2013-075-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>247.893.560.588</b>	<b>247.301.440.956</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	6.1	<b>29.814.151.022</b>	<b>22.506.980.838</b>
1. Tiền	111		29.814.151.022	22.506.980.838
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>18.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.000.000.000	28.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>77.730.257.929</b>	<b>78.411.498.958</b>
1. Phải thu khách hàng	131		25.987.436.452	21.295.505.981
2. Trả trước cho người bán	132		14.485.327.944	22.281.985.485
5. Các khoản phải thu khác	135	6.2	37.257.493.533	34.834.007.492
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	6.3	<b>63.609.029.916</b>	<b>71.825.725.079</b>
1. Hàng tồn kho	141		63.609.029.916	71.825.725.079
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>58.740.121.721</b>	<b>46.557.236.081</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.4	7.717.997.714	6.652.396.777
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	10.997.482
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	6.5	603.936.453	9.017.366
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.6	50.418.187.554	39.884.824.456
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220 +240+250+ 260)	<b>200</b>		<b>41.920.104.309</b>	<b>39.055.629.917</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.663.711.097</b>	<b>27.250.329.957</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.7	16.027.145.863	13.410.771.998
- Nguyên giá	222		39.191.121.266	37.647.558.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.163.975.403)	(24.236.786.240)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.8	1.220.565.234	1.423.557.959
- Nguyên giá	228		1.828.728.180	1.828.728.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(608.162.946)	(405.170.221)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.9	12.416.000.000	12.416.000.000
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	6.11	<b>8.345.000.000</b>	<b>8.345.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.395.000.000	7.595.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		950.000.000	750.000.000
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.911.393.212</b>	<b>3.460.299.960</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.10	3.701.963.212	3.110.299.960
3. Tài sản dài hạn khác	248		209.430.000	350.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>289.813.664.897</b>	<b>286.357.070.873</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>252.832.607.953</b>	<b>252.257.914.133</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>252.832.607.953</b>	<b>252.257.914.133</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.12	2.400.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		7.873.053.695	8.878.081.509
3. Người mua trả tiền trước	313		166.485.414.775	167.159.773.956
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.13	1.099.468.694	1.081.750.234
5. Phải trả người lao động	315		3.832.739.394	3.545.857.609
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	6.14	70.776.683.950	71.191.366.887
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		365.247.445	401.083.938
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410 + 430)	<b>400</b>		<b>36.981.056.944</b>	<b>34.099.156.740</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	6.15	<b>36.981.056.944</b>	<b>34.099.156.740</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu x	411		22.000.000.000	22.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển x	417		5.752.504.080	4.076.953.189
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.986.981.715	2.130.976.440
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.241.571.149	5.891.227.111
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>289.813.664.897</b>	<b>286.357.070.873</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	57.400.243	-
5. Ngoại tệ các loại - USD	30.662,93	94.760,40

Người lập



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Trường

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014  
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		218.091.439.864	172.336.350.943
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.16	218.091.439.864	172.336.350.943
4. Giá vốn hàng bán	11	6.17	182.689.912.483	137.730.853.517
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>35.401.527.381</b>	<b>34.605.497.426</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.18	5.174.858.015	8.654.758.274
7. Chi phí tài chính	22	6.19	12.532.075	599.844.018
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	599.844.018
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.259.595.734	33.884.380.814
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>8.304.257.587</b>	<b>8.776.030.868</b>
11. Thu nhập khác	31		2.296.740.089	3.101.287.005
12. Chi phí khác	32		119.196.436	550.528.815
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	6.20	<b>2.177.543.653</b>	<b>2.550.758.190</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>10.481.801.240</b>	<b>11.326.789.058</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.21	2.582.615.973	2.949.034.602
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>7.899.185.267</b>	<b>8.377.754.456</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.22	3.591	3.808

Người lập



Lưu Thị Mai Hiên

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	240.490.137.731	189.372.948.968
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(171.099.004.189)	(120.434.006.425)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.533.999.352)	(19.255.285.615)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(2.404.170)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.609.367.183)	(4.415.264.064)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.949.093.439	64.300.542.145
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(64.116.199.368)	(102.327.917.453)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.080.661.078</b>	<b>7.238.613.386</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.014.389.109)	(9.588.504.672)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(64.000.000.000)	(84.650.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	74.888.908.000	56.650.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.712.575.490	6.144.309.477
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>8.587.094.381</b>	<b>(29.144.195.195)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	179.140.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.400.000.000	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.748.053.200)	(1.815.352.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.348.053.200)</b>	<b>(1.636.212.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>7.319.702.259</b>	<b>(23.541.793.809)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>22.506.980.838</b>	<b>46.060.189.330</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(12.532.075)</b>	<b>(11.414.683)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>29.814.151.022</b>	<b>22.506.980.838</b>

Người lập



Luu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014



Nguyễn Văn Công

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 3 ngày 30 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT. Tên viết tắt : CONINCO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 22.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	1.122.000	11.220.000.000	51%
Các cổ đông khác	1.078.000	10.780.000.000	49%
<b>Tổng</b>	<b>2.200.000</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân: 935 người.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường);
- Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết các công trình xây dựng;
- Thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng;
- Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hóa, tuyển chọn tư vấn, thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài;
- Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;
- Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức "Chìa khóa trao tay";
- Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư;
- Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn;
- Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng; thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)**

- Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức;
- Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chế tạo thiết bị dây chuyền công nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, quán ăn;
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Thăm dò và khai thác mỏ;
- Trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm ./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2013</u>
	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2013 gồm giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO và một số phần mềm quản lý.

Đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý và chi phí thiết kế website được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản đầu tư tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 02 năm.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu**

**Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty mẹ: Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,  
 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	5.904.158.793	5.617.447.682
Tiền gửi ngân hàng	23.909.992.229	16.889.533.156
<b>Tổng</b>	<b>29.814.151.022</b>	<b>22.506.980.838</b>

**6.2 Phải thu khác**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>34.489.846.225</b>	<b>34.179.169.463</b>
Phải thu khác-tiền điện	72.428.700	87.964.100
Phải thu khác-tiền điện thoại	20.646.258	19.313.458
Phải thu khác-tiền thuế VAT	-	2.004.000
Phải thu khác-tiền BHXH, BHYT, KPCĐ	617.920.767	641.362.777
Phải thu khác-tiền Photocopy, In ấn tài liệu	359.003.026	215.114.307
Phải thu khác-khấu hao TSCĐ	586.629.353	950.052.053
Tiền ứng thi công công trình	32.833.218.121	32.263.358.768
<b>Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh</b>	<b>2.142.752.509</b>	<b>29.943.230</b>
Phải trả phải nộp khác	2.142.752.509	29.943.230
<b>Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ XD và KĐMT</b>	<b>624.894.799</b>	<b>624.894.799</b>
Phải thu khác	624.894.799	624.894.799
<b>Tổng</b>	<b>37.257.493.533</b>	<b>34.834.007.492</b>

**6.3 Hàng tồn kho**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.609.029.916	71.825.725.079
<b>Tổng</b>	<b>63.609.029.916</b>	<b>71.825.725.079</b>

**6.4 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh</b>	-	-
Chi phí chờ phân bổ cho các công trình	7.717.997.714	6.652.396.777
<b>Tổng</b>	<b>7.717.997.714</b>	<b>6.652.396.777</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	9.017.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	603.936.453	-
<b>Tổng</b>	<b>603.936.453</b>	<b>9.017.366</b>

6.6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng thực hiện hợp đồng	50.418.187.554	39.872.824.456
Cầm cố ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	12.000.000
<b>Tổng</b>	<b>50.418.187.554</b>	<b>39.884.824.456</b>



**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.7. Tài sản cố định hữu hình**

MÃU B 09-DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	15.040.432.242	12.115.259.352	5.209.121.137	5.282.745.507	37.647.558.238
Tăng trong năm	-	159.727.272	2.710.010.382	2.144.651.455	5.014.389.109
Mua trong năm	-	159.727.272	2.710.010.382	2.144.651.455	5.014.389.109
Giảm trong năm	-	762.559.430	60.000.000	2.648.266.651	3.470.826.081
Chuyển sang CCDC theo TT 45	-	762.559.430	-	2.648.266.651	3.410.826.081
Thanh lý, nhượng bán	-	-	60.000.000	-	60.000.000
Số dư tại 31/12/2013	15.040.432.242	11.512.427.194	7.859.131.519	4.779.130.311	39.191.121.266
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	5.443.724.381	10.411.908.684	4.113.625.257	4.267.527.918	24.236.786.240
Tăng trong năm	594.812.935	1.212.115.302	568.968.910	593.352.448	2.969.249.595
Khấu hao trong năm	594.812.935	159.851.277	568.968.910	593.352.448	1.916.985.570
Trình bày phân loại lại	-	1.052.264.025	-	-	1.052.264.025
Giảm trong năm	-	606.965.779	1.052.264.025	2.382.830.628	4.042.060.432
Chuyển sang CCDC theo TT 45	-	606.965.779	-	2.382.830.628	2.989.796.407
Trình bày phân loại lại	-	-	1.052.264.025	-	1.052.264.025
Số dư tại 31/12/2013	6.038.537.316	11.017.058.207	3.630.330.142	2.478.049.738	23.163.975.403
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2013	9.596.707.861	1.703.350.668	1.095.495.880	1.015.217.589	13.410.771.998
Tại 31/12/2013	9.001.894.926	495.368.987	4.228.801.377	2.301.080.573	16.027.145.863

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2013 với giá trị là 14.432.406.561 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2013	Thương hiệu CONINCO	Phần mềm	Tổng
<i>Nguyên giá</i>			
Tại ngày 01/01	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
<i>Hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày 01/01	-	405.170.221	405.170.221
Tăng trong năm	-	202.992.725	202.992.725
Khấu hao trong năm	-	202.992.725	202.992.725
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	-	608.162.946	608.162.946
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01	1.150.000.000	273.557.959	1.423.557.959
Tại ngày 31/12	1.150.000.000	70.565.234	1.220.565.234

6.9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	12.416.000.000	-
Tăng	2.580.988.855	12.795.849.581
Giảm	2.580.988.855	379.849.581
Tại ngày 31 tháng 12	12.416.000.000	12.416.000.000
<i>Chi tiết theo công trình</i>		
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư xây dựng Khu văn phòng, nhà ở và dịch vụ công cộng- Xuân Phương Garden -DA2009	12.416.000.000	12.416.000.000
Tổng	12.416.000.000	12.416.000.000

6.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.110.299.960	2.672.038.039
Tăng	4.804.152.921	2.869.759.519
Giảm	4.212.489.669	2.431.497.598
Tại ngày 31 tháng 12	3.701.963.212	3.110.299.960
<i>Chi tiết theo công trình</i>		
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.411.468.785	2.920.375.170
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.290.494.427	189.924.790
Tổng	3.701.963.212	3.110.299.960

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>	-	<b>2.280.000.000</b>	-	<b>2.280.000.000</b>
Công ty CP LD Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật	228.000	2.280.000.000	228.000	2.280.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	-	<b>5.115.000.000</b>	-	<b>5.115.000.000</b>
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
Công ty CP CONINCO Tư vấn và Đầu tư	62.500	625.000.000	62.500	625.000.000
Công ty CP CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Công ty CP CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty CP CONINCO 3C	72.000	720.000.000	72.000	720.000.000
Công ty CP Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	342.000	720.000.000	342.000	720.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	-	<b>950.000.000</b>	-	<b>950.000.000</b>
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
Công ty LILAMA LAND	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
<b>Tổng</b>		<b>8.345.000.000</b>	-	<b>8.345.000.000</b>

Thông tin chi tiết về Công ty liên doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP Liên doanh Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật	Số 4 Tôn Thất Tùng, HN	6.000.000.000	38%	Buôn bán và bảo trì thang máy

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP CONINCO Máy Xây dựng và Công trình CN	P516,518,520 và 522 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Hà Nội	4.200.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO Tư vấn và Đầu tư	P504,506 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	2.500.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO CN XD và Môi trường	P408,410 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	3.000.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý XD Miền Nam	118 Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, TP HCM	2.000.000.000	25%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	P704 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	2.550.000.000	29%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP CONINCO 3C	P604 toà nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, HN	2.000.000.000	36%	Tư vấn xây dựng
Công ty CP Coninco Đầu tư PTHT và Tư vấn xây dựng	Số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, HN	9.500.000.000	36%	Tư vấn xây dựng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.12. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay cá nhân (*)	2.400.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>2.400.000.000</b>	<b>-</b>

*Trong đó:*

(\*): Hợp đồng số 12 ngày 11/12/2013, số tiền 2,4 tỷ đồng, thời hạn 3 tháng từ ngày 11/12/2013 đến ngày 11/3/2014, thời gian phát sinh kéo dài quá 03 (nếu có) sẽ do 2 bên thoả thuận; lãi suất 11,7%/năm.

**6.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	150.268.168	116.003.105
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	451.727.984
Thuế thu nhập cá nhân	643.431.947	14.018.981
Các loại thuế khác	305.768.579	462.320.164
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	37.680.000
<b>Tổng</b>	<b>1.099.468.694</b>	<b>1.081.750.234</b>

**6.14. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	357.488.500	341.317.757
Bảo hiểm xã hội	1.010.938.161	306.647.706
Bảo hiểm y tế	1.053.948.562	963.487.249
Bảo hiểm thất nghiệp	455.040.218	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.899.268.509	69.579.914.175
<i>Chi phí đã nghiệm thu chưa hoàn chứng từ</i>	<i>50.134.233.942</i>	<i>55.290.749.422</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>17.765.034.567</i>	<i>14.289.164.753</i>
<b>Tổng</b>	<b>70.776.683.950</b>	<b>71.191.366.887</b>

**CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN

**6.15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	22.000.000.000	2.224.754.745	1.204.877.218	7.787.351.705	33.216.983.668
<b>Tăng trong năm</b>	-	1.852.198.444	926.099.222	8.377.754.456	11.156.052.122
Trích quỹ	-	1.852.198.444	926.099.222	-	2.778.297.666
Lãi/lỗ	-	-	-	8.377.754.456	8.377.754.456
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	10.273.879.050	10.273.879.050
Chia cổ tức	-	-	-	3.704.800.000	3.704.800.000
Trích quỹ	-	-	-	5.406.192.219	5.406.192.219
Giảm khác	-	-	-	1.162.886.831	1.162.886.831
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>4.076.953.189</b>	<b>2.130.976.440</b>	<b>5.891.227.111</b>	<b>34.099.156.740</b>
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>4.076.953.189</b>	<b>2.130.976.440</b>	<b>5.891.227.111</b>	<b>34.099.156.740</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	1.675.550.891	856.005.275	7.899.185.267	10.430.741.433
Trích quỹ	-	1.675.550.891	837.775.446	-	2.513.326.337
Lãi/lỗ năm nay	-	-	-	7.899.185.267	7.899.185.267
Tăng khác	-	-	18.229.829	-	18.229.829
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	7.548.841.229	7.548.841.229
Chia cổ tức	-	-	-	2.930.400.000	2.930.400.000
Trích quỹ	-	-	-	4.618.441.229	4.618.441.229
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>5.752.504.080</b>	<b>2.986.981.715</b>	<b>6.241.571.149</b>	<b>36.981.056.944</b>

Đơn vị tính: VND



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	11.220.000.000	11.220.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	10.780.000.000	10.780.000.000
<b>Tổng</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	22.000.000.000	22.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	22.000.000.000	22.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>2.930.400.000</b>	<b>3.704.800.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2013 Cổ phiếu	Năm 2012 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.200.000</b>	<b>2.200.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**6.16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	218.091.439.864	172.336.350.943
<b>Tổng</b>	<b>218.091.439.864</b>	<b>172.336.350.943</b>

**6.17. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn dịch vụ	182.689.912.483	137.730.853.517
<b>Tổng</b>	<b>182.689.912.483</b>	<b>137.730.853.517</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.18 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.414.784.762	5.529.919.102
Cổ tức và lợi nhuận được chia	270.527.025	179.140.000
Chuyển nhượng vốn góp DA tại Lào Cai	-	400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.710.843	-
Lãi cho vay vốn các trung tâm	-	35.287.218
Doanh thu nhượng quyền thương mại	2.462.253.385	2.472.235.169
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.582.000	38.176.785
<b>Tổng</b>	<b>5.174.858.015</b>	<b>8.654.758.274</b>

**6.19 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	-	599.844.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.892.480	-
Chi phí tài chính khác	4.639.595	-
<b>Tổng</b>	<b>12.532.075</b>	<b>599.844.018</b>

**6.20 Lợi nhuận khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.296.740.089</b>	<b>3.101.287.005</b>
Thu tiền điện, nước, dịch vụ	643.899.957	634.122.660
Thuê văn phòng, sử dụng thiết bị các Trung tâm	819.387.529	1.720.876.725
Thu nhập khác	833.452.603	353.873.215
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	392.414.405
<b>Chi phí khác</b>	<b>119.196.436</b>	<b>550.528.815</b>
Tiền phạt thuế	119.189.676	503.364.673
Chi phí khác	6.760	47.164.142
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>2.177.543.653</b>	<b>2.550.758.190</b>

**6.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.481.801.240</b>	<b>11.326.789.058</b>
Điều chỉnh tăng	119.189.676	648.489.350
<i>Chi phí không hợp lý cho mục tiêu thuế</i>	<i>119.189.676</i>	<i>648.489.350</i>
Điều chỉnh giảm	270.527.025	179.140.000
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>270.527.025</i>	<i>179.140.000</i>
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>10.330.463.891</b>	<b>11.796.138.408</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.582.615.973</b>	<b>2.949.034.602</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.899.185.267	8.377.754.456
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.899.185.267	8.377.754.456
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành BQ trong kỳ	2.200.000	2.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.591</b>	<b>3.808</b>

**6.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.259.437.512	12.908.313.090
Chi phí nhân công	113.813.687.448	100.504.438.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.119.978.295	2.143.990.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.029.098.527	3.494.444.414
Chi phí khác bằng tiền	53.739.838.510	53.383.998.841
<b>Tổng</b>	<b>214.962.040.292</b>	<b>172.435.185.307</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	Tiền góp vốn	11.220.000.000	11.220.000.000

**Giao dịch với bên liên quan khác.**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2013</u> VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thu nhập khác	3.298.995.828

**7.2 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.814.151.022	22.506.980.838
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.244.929.985	56.129.513.473
Đầu tư ngắn hạn	18.000.000.000	28.000.000.000
Đầu tư dài hạn	950.000.000	750.000.000
<b>Tổng</b>	<b>112.009.081.007</b>	<b>107.386.494.311</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	2.400.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	78.649.737.645	80.069.448.396
<b>Tổng</b>	<b>81.049.737.645</b>	<b>80.069.448.396</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty phát sinh khoản vay với giá trị nhỏ và phát sinh vào cuối năm 2013, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

**7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro về giá**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty chưa có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	<i>Đơn vị tính: VND</i>
			Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản vay	2.400.000.000	-	2.400.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	78.649.737.645	-	78.649.737.645
<b>Tổng</b>	<b>81.049.737.645</b>		<b>81.049.737.645</b>
<b>01/01/2013</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	80.069.448.396	-	80.069.448.396
<b>Tổng</b>	<b>80.069.448.396</b>		<b>80.069.448.396</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

*Đơn vị tính: VND*

<u>Khoản mục</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.814.151.022	-	29.814.151.022
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.244.929.985	-	63.244.929.985
Đầu tư ngắn hạn	18.000.000.000	-	18.000.000.000
Đầu tư dài hạn	950.000.000	-	950.000.000
<b>Tổng</b>	<b>111.059.081.007</b>		<b>111.059.081.007</b>
<b>01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.506.980.838	-	22.506.980.838
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.129.513.473	-	56.129.513.473
Đầu tư ngắn hạn	28.000.000.000	-	28.000.000.000
Đầu tư dài hạn	750.000.000	-	750.000.000
<b>Tổng</b>	<b>107.386.494.311</b>		<b>107.386.494.311</b>

**7.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

**Người lập biểu**



**Lưu Thị Mai Hiền**

**Kế toán trưởng**



**Lê Xuân Tường**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Công**